

21/4
D71.105

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (39 -)/DA22MNA

CBGD: Nguyễn Văn Phương (00341)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

21 / 04 / 2023

Phòng thi: D71.105

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	114222001	Đỗ Huỳnh Thu Anh	21/08/2004	Nữ	8.0	1,8	4,9	001	<i>[Signature]</i>		
2	114222002	Nguyễn Hồ Ngọc Lan Anh	05/10/2004	Nữ	8.8	—	—	—	—		<i>Vùng</i>
3	114222003	Ngô Anh Đào	07/03/2004	Nữ	9.3	3,8	6,6	003	<i>Đào</i>		
4	114222004	Trần Thị Thùy Dương	24/12/2004	Nữ	9.4	3,5	6,5	004	<i>Thùy</i>		
5	114222005	Trần Nguyễn Thúy Duy	11/11/2004	Nữ	8.9	4,3	6,6	005	<i>Duy</i>		
6	114222006	Võ Thị Mỹ Duyên	13/04/2004	Nữ	8.7	4,0	6,4	006	<i>Duyên</i>		
7	114222007	Thạch Thị Trinh Em	18/09/2004	Nữ	8.8	4,8	6,8	007	<i>Em</i>		
8	114222009	Nguyễn Huỳnh Hương	22/09/2004	Nữ	8.8	4,5	6,7	008	<i>Hương</i>		
9	114222010	Thạch Thị Ngọc Kiều	17/12/2004	Nữ	8.3	3,3	5,8	009	<i>Kiều</i>		
10	114222012	Huỳnh Thị Ái Mi	07/11/2004	Nữ	8.8	5,3	7,1	010	<i>Mi</i>		
11	114222013	Bùi Thị Cẩm Nang	20/09/2004	Nữ	8.9	3,0	6,0	011	<i>Nang</i>		
12	114222014	Thạch Châu Ngân	27/02/2004	Nữ	9.0	4,5	6,8	012	<i>Ngân</i>		
13	114222015	Nguyễn Thị Thu Ngọc	06/02/2004	Nữ	8.5	5,0	6,8	013	<i>Thu</i>		
14	114222016	Trần Thị Mỹ Ngọc	25/01/2004	Nữ	9.3	3,5	6,4	016	<i>Ngọc</i>		
15	114222017	Giang Thảo Nguyên	30/04/2004	Nữ	8.4	4,5	6,5	015	<i>Thảo</i>		
16	114222018	Bùi Huỳnh Tuyết Nhi	11/10/2004	Nữ	8.3	3,0	5,7	016	<i>Nhi</i>		
17	114222019	Dương Thị Tuyết Nhi	02/03/2004	Nữ	9.4	4,5	7,0	017	<i>Nhi</i>		
18	114222020	Huỳnh Thị Yến Nhi	01/08/2004	Nữ	9.0	4,3	6,7	018	<i>Nhi</i>		
19	114222021	Võ Thị Tuyết Nhi	28/01/2004	Nữ	9.7	4,3	7,0	019	<i>Nhi</i>		
20	114222022	Ca Yến Như	05/12/2004	Nữ	8.4	4,3	6,4	020	<i>Yến</i>		
21	114222023	Phan Thị Anh Như	11/04/2004	Nữ	9.1	5,3	7,2	021	<i>Anh</i>		
22	114222024	Thạch Thị Hồng Như	18/06/2004	Nữ	8.9	4,0	6,5	022	<i>Hồng</i>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 22

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 21

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 21

Tổng số tờ: 21

Cán bộ coi thi 1: *[Signature]* Lê Thị Thùy Dương

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 17 tháng 5 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: *[Signature]* Sơn Văn Kha

Cán bộ kiểm tra: *[Signature]*

Nguyễn Thị Lành

21/4
D71.106

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (39 -)/DA22MNA

CBGD: Nguyễn Văn Phương (00341)

Hình thức đánh giá:.....TT.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

.....21/4/2023

Phòng thi:.....D71.106.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	114222025	Võ Thị Huỳnh Như	30/06/2004	Nữ	9.4	5.8	7.6	001	Như		
2	114222051	Tô Thị Cẩm Tú	12/12/2004	Nữ	8.3	5.0	6.7	002	Tô		
3	114222052	Nguyễn Huyền Phương	22/07/2004	Nữ	9.2	4.5	6.9	003	Ph		
4	114222054	Lê Phạm Thảo Uyên	20/03/2004	Nữ	8.7	4.0	6.4	004	Uy		
5	114222055	Nguyễn Ngọc Tường Vy	12/02/2004	Nữ	8.0	3.5	5.8	005	Vy		
6	114222056	Lê Thị Yến Xuân	25/09/2004	Nữ	8.7	3.3	6.0	006	Yen		
7	114222057	Võ Thị Hồng Yên	14/08/2004	Nữ	9.5	3.0	6.3	007	H		
8	114222058	Trịnh Lâm Phi Yến	16/11/2003	Nữ	9.5	4.0	6.8	008	Phi		
9	114222059	Hứa Trâm Huỳnh Anh	15/05/2004	Nữ	9.5	4.3	6.9	009	HA		
10	114222060	Nguyễn Thị Ngọc Cẩm	10/06/2004	Nữ	9.2	3.3	6.3	010	Ca		
11	114222061	Dương Ngọc Điền	12/03/2004	Nữ	9.5	4.8	7.2	011	Đ		9.5
12	114222063	Nguyễn Thị Hoàng Dung	17/08/2004	Nữ	9.1	2.8	6.0	012	Dung		
13	114222065	Dương Thị Hân	18/12/2004	Nữ	9.0	5.5	7.3	013	Han		
14	114222067	Trần Thị Huỳnh Hoa	18/05/2004	Nữ	9.2	5.5	7.4	014	H		
15	114222068	Lê Thị Ánh Hồng	04/03/2003	Nữ	—	—	—	—	—		bay
16	114222070	Nguyễn Thị Thùy Linh	07/06/2004	Nữ	8.6	4.8	6.7	016	Th		
17	114222071	Trần Thị Cẩm Linh	29/02/2004	Nữ	9.3	4.0	6.7	017	Linh		
18	114222072	Nguyễn Thị Cẩm Ly	23/10/2004	Nữ	8.9	2.5	5.7	018	Th		
19	114222073	Từ Xuân Mai	25/07/2004	Nữ	9.1	4.3	6.7	019	mai		
20	114222074	Phạm Thị Ca Mơ	17/04/2004	Nữ	9.1	4.8	7.0	020	Ca		
21	114222075	Nguyễn Châu Kim Ngân	05/10/2004	Nữ	8.9	3.5	6.2	021	Ke		

Tổng số sv, hs trên danh sách:.....21.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá:.....20.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:.....

Tổng số tờ:.....tên máy.....

Cán bộ coi thi 1:.....Nguyễn Văn Phương.....

Điểm QT:.....5.0%; Điểm KT:.....5.0%

Trà Vinh, Ngày 17 tháng 5 năm 2023

Cán bộ ghi điểm:.....Gon Gon Ba.....

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra:.....lala.....

Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (39 -)/DA22MNB

CBGD: Nguyễn Văn Phương (00341)

Hình thức đánh giá: T.N.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

...21.../...04.../...2023

Phòng thi: D71.107.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	114222027	Dương Thị Kiều Oanh	19/07/2004	Nữ	9.2	4.8	7,0	001	Kieu Oanh		
2	114222028	Chanh Sóc Phép	14/01/2004	Nữ	8.4	4.8	6,6	002	Phép		
3	114222030	Nguyễn Thu Quyên	04/01/2004	Nữ	8.4	3.8	6,1	003	Thu		
4	114222031	Neàng Kim Sang	09/01/2004	Nữ	8.8	3.8	6,3	004	Kim Sang		
5	114222032	Phạm Thị Phương Thảo	23/02/2004	Nữ	9.1	5.5	7,3	005	Thao		
6	114222033	Son Thị Quốc Thảo	09/03/2004	Nữ	9.0	4.8	6,9	006	Thao		
7	114222036	Lê Thị Mộng Thi	09/11/2004	Nữ	8.4	4.8	6,6	007	Thi		
8	114222037	Ngô Thị Diễm Thu	09/11/2004	Nữ	9.2	5.8	7,5	008	Thu		
9	114222038	Dương Thị Yến Thư	16/11/2004	Nữ	8.4	3.3	5,9	009	Thư		
10	114222040	Nguyễn Minh Thư	14/11/2004	Nữ	9.0	5.0	7,0	010	Thư		
11	114222042	Nguyễn Phương Thủy	27/11/2004	Nữ	9.1	4.8	7,0	011	Thủy		
12	114222043	Đặng Ngọc Thùy	12/06/2004	Nữ	8.4	4.5	6,5	012	Thùy		
13	114222044	Nguyễn Thị Như Thùy	14/01/2004	Nữ	8.3	4.0	6,2	013	Thùy		
14	114222045	Nguyễn Thị Thanh Trà	08/03/2004	Nữ	9.2	4.5	6,9	014	Thanh Trà		
15	114222046	Đỗ Thị Ngọc Trâm	16/03/2004	Nữ	8.8	4.5	6,7	015	Trâm		
16	114222047	Kiên Thị Quế Trân	30/04/2004	Nữ	9.0	4.3	6,7	016	Trân		
17	114222049	Phan Thanh Trúc	28/01/2004	Nữ	8.9	3.8	6,4	017	Trúc		
18	114222050	Thạch Mai Cẩm Tú	13/09/2004	Nữ	9.3	4.8	7,1	018	Tú		
19	114222077	Võ Thị Hồng Ngọc	21/01/2004	Nữ	8.7	4.0	6,4	019	Ngọc		
20	114222078	Nguyễn Thị Ngọc Nguyên	11/09/2004	Nữ	9.2	6.5	7,9	020	Nguyên		
21	114222079	Võ Thị Thảo Nguyên	05/12/2004	Nữ	8.4	5.8	7,1	021	Thảo Nguyên		
22	114222080	Huỳnh Thúy Nhi	26/10/2004	Nữ	9.5	3.8	6,7	022	Nhi		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 22...

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 22...

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 22...

Tổng số tờ:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 17 tháng 5 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: Cao Dương Phương Lan

Cán bộ ghi điểm: Phan Văn Sơn

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (39 -)/DA22MNB

CBGD: Nguyễn Văn Phương (00341)

Hình thức đánh giá: TTV

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

21/11/2023

Phòng thi: D71.108

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	114222081	Huỳnh Thị Quỳnh Như	22/02/2001	Nữ	9.3	5.8	7.6	001	<u>Anh</u>		
2	114222082	Trần Thị Anh Thi	08/04/2004	Nữ	8.4	5.8	7.1	002	<u>Thi</u>		
3	114222083	Lê Thị Anh Thư	30/10/2004	Nữ	9.2	5.5	7.4	003	<u>Thư</u>		
4	114222084	Phan Thị Thương	01/05/2004	Nữ	9.5	4.0	6.8	004	<u>Th</u>		
5	114222085	Tạ Thị Ngọc Trâm	25/12/2004	Nữ	9.0	4.8	6.9	005	<u>Trâm</u>		
6	114222086	Lê Nguyễn Quế Trân	15/06/2004	Nữ	9.4	4.3	6.9	006	<u>Trân</u>		
7	114222087	Trần Thị Tú Trinh	12/02/2004	Nữ	8.9	5.0	7.0	007	<u>Tr</u>		
8	114222088	Nguyễn Ngọc Hồng Trúc	05/01/2004	Nữ	9.4	5.5	7.5	008	<u>Trúc</u>		
9	114222090	Trần Khánh Vy	01/10/2002	Nữ	8.5	4.5	6.5	009	<u>Vy</u>		
10	114222091	Nguyễn Thị Kim Xuân	12/03/2004	Nữ	8.8	4.0	6.4	010	<u>Xuân</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 10

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 10

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 10

Tổng số tờ: 10

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 17 tháng 5 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Văn Phương

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Văn Phương

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Kim Xuân

Nguyễn Thị Kim Xuân

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

2114

D71.107

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (39 -)/CA22MNA

CBGD: Nguyễn Văn Phương (00341)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

21 / 04 / 2023Phòng thi: D71.107

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	214222001	Thạch Thị Thúy	An	30/12/2004	Nữ	8.2	2.5	5,4	001	<u>ms</u>	
2	214222003	Nguyễn Ngọc	Ánh	05/05/2004	Nữ	9.2	3.8	6,5	002	<u>thh</u>	
3	214222005	Cao Nguyễn Ngọc	Diễm	09/04/2004	Nữ	8.9	2.8	5,9	003	<u>chen</u>	
4	214222006	Lê Thị Mỹ	Dung	21/09/2003	Nữ	8.9	5.0	7,0	004	<u>luu</u>	
5	214222007	Lê Thị Thùy	Dương	13/04/2004	Nữ	8.1	3.3	5,7	005	<u>Đường</u>	
6	214222008	Trần Thị Cẩm	Duyên	05/12/2004	Nữ	8.5	4.0	6,3	006	<u>Đặng</u>	
7	214222010	Phan Thị Ngọc	Giàu	08/06/2004	Nữ	8.4	2.8	5,6	007	<u>Qua</u>	
8	214222011	Thạch Thị Ngọc	Hân	16/01/2003	Nữ	8.8	3.5	6,2	008	<u>ngân</u>	
9	214222015	Phạm Như	Huỳnh	23/04/2003	Nữ	9.0	3.8	6,4	009	<u>huynh</u>	
10	214222016	Thạch Thị Ngọc	Mai	23/03/2004	Nữ	9.5	4.0	6,8	010	<u>mai</u>	
11	214222017	Võ Thị Diễm	My	05/11/2003	Nữ	8.8	4.5	6,7	011	<u>Đặng</u>	
12	214222018	Dương Thị Thanh	Na	17/03/2003	Nữ	8.6	3.5	6,2	012	<u>Trần</u>	
13	214222019	Nguyễn Thị	Nga	14/07/2004	Nữ	8.4	2.8	5,6	013	<u>ngà</u>	
14	214222020	Kim Thảo	Ngân	19/12/2004	Nữ	9.0	4.0	6,5	014	<u>Ngân</u>	
15	214222026	Nguyễn Thanh	Nhi	28/07/2004	Nữ	7.9	3.8	5,9	015	<u>Nhi</u>	
16	214222033	Nguyễn Thị Ngọc	Thắm	03/03/2004	Nữ	8.3	3.5	5,9	016	<u>Thắm</u>	
17	214222045	Thạch Thị Sa	Vinh	27/12/2004	Nữ	8.3	4.3	6,3	017	<u>Thạch</u>	
18	214222050	Lư Thuý	Ái	27/06/2004	Nữ	—	—	—	—	—	<u>Vĩnh</u>
19	214222052	Thạch Thị Thanh	Ngân	15/10/2004	Nữ	8.8	4.0	6,4	019	<u>ngân</u>	
20	214222053	Trần Thị Thảo	Ngân	15/12/2004	Nữ	7.9	3.8	5,9	020	<u>ngân</u>	
21	214222054	Trần Bảo	Ngọc	24/12/2004	Nữ	8.7	4.5	6,6	021	<u>trần</u>	
22	214222055	Lê Thị Hồng	Thi	12/07/2004	Nữ	9.0	5.5	7,3	022	<u>Thi</u>	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 22Tổng số sv, hs dự đánh giá: 21Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 21

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: laul Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%Trà Vinh, Ngày 17 tháng 5 năm 2023Cán bộ ghi điểm: laulCán bộ kiểm tra: laulNguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (39 -)/CA22MNA

CBGD: Nguyễn Văn Phương (00341)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
21/4/23

Phòng thi: D71.108

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	214222058	Sơn Thị Thanh Trúc	03/03/2004	Nữ	9.5	3.8	6.7	001	<u>Truc</u>		
2	214222059	Trần Triều An	16/12/2004	Nữ	8.2	3.0	5.6	002	<u>Trần An</u>		
3	214222060	Tăng Thị Kim Anh	04/01/2004	Nữ	9.0	5.3	7.2	003	<u>Kim Anh</u>		
4	214222061	Nguyễn Thị Vân Anh	02/08/2004	Nữ	8.7	4.0	6.4	004	<u>Anh</u>		
5	214222063	Thạch Thị Line Đa	22/01/2004	Nữ	8.4	2.5	5.5	005	<u>LD</u>		
6	214222064	Thạch Thị Thanh Huy	07/07/2004	Nữ	8.6	3.0	5.8	006	<u>Thuy</u>		
7	214222066	Nguyễn Thị Minh Huyền	27/08/2002	Nữ	9.5	3.8	6.7	007	<u>Huyen</u>		
8	214222067	Nguyễn Đoàn Bách Khoa	14/08/2004	Nữ	4.0	—	—	—	—	<u>Vang</u>	
9	214222068	Phạm Thị Thùy Linh	03/02/2003	Nữ	9.5	4.0	6.8	009	<u>Thuy</u>		
10	214222070	Nguyễn Thị Diễm My	08/07/2004	Nữ	8.6	3.5	6.1	010	<u>My</u>		
11	214222072	Huỳnh Thanh Ngân	14/08/2002	Nữ	8.7	3.3	6.0	011	<u>Ngan</u>		
12	214222073	Trương Thị Bích Như	13/12/2004	Nữ	9.2	2.8	6.0	012	<u>Nhu</u>		
13	214222074	Dương Thị Ngọc Như	30/12/2004	Nữ	9.4	4.0	6.7	013	<u>Ngoc</u>		
14	214222075	Nguyễn Thị Bảo Như	30/08/2004	Nữ	8.2	3.0	5.6	014	<u>Nhu</u>		
15	214222076	Luyện Thị Hồng Nhung	26/10/2004	Nữ	8.9	3.0	6.0	015	<u>Nhung</u>		
16	214222077	Nguyễn Thị Diễm Phúc	25/02/2004	Nữ	—	—	—	—	—	<u>Vang</u>	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 16

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 14

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 14

Tổng số tờ: 14

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Văn Phương

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 17 tháng 5 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Văn Phương

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm**Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (39 -)/CA22MNB

CBGD: Nguyễn Văn Phương (00341)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

21 / 11 / 2023Phòng thi: D71.105

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	214222021	Thạch Thị Kim Ngân	25/08/2003	Nữ	8.4	4.8	6.6	001	ngan		
2	214222023	Trần Thanh Ngân	06/05/2004	Nữ	9.2	4.3	6.8	002	Ngân		
3	214222024	Lâm Thị Thúy Nhi	21/04/2004	Nữ	9.0	4.0	6.5	003	nhi		
4	214222025	Ngô Thị Khôi Nhi	23/07/2004	Nữ	9.0	3.3	6.2	004	Khôi Nhi		
5	214222027	Phạm Ngọc Yến Nhi	23/03/2004	Nữ	8.7	4.5	6.6	005	Yến Nhi		
6	214222028	Thạch Thị Ngọc Như	17/07/2004	Nữ	9.1	3.0	6.1	006	Như		
7	214222029	Chu Thị Thuý Nhung	02/11/2003	Nữ	9.5	2.8	6.2	007	Nhung		
8	214222030	Nguyễn Thị Yến Phụng	28/10/2004	Nữ	9.1	2.0	5.6	008	Phụng		
9	214222031	Thạch Phương	21/10/2004	Nữ	8.6	2.3	5.5	009	Phương		
10	214222032	Nguyễn Thị Kim Quyên	29/05/2004	Nữ	8.4	4.5	6.5	010	Quyên		
11	214222035	Lê Thị Thơ	11/11/2004	Nữ	8.5	4.3	6.4	011	Thơ		
12	214222037	Trần Lâm Anh Thư	10/04/2003	Nữ	8.8	3.3	6.1	012	Anh Thư		
13	214222038	Phạm Thị Cẩm Tiên	27/08/2004	Nữ	8.4	3.5	6.0	013	Tiên		
14	214222039	Đoàn Thị Ngọc Trâm	01/11/2001	Nữ	8.8	4.5	6.7	014	Trâm		
15	214222040	Trương Thị Mỹ Trâm	11/12/2003	Nữ	8.9	4.8	6.9	015	Mỹ Trâm		
16	214222041	Nguyễn Anh Trí	11/09/2002	Nữ	8.6	3.5	6.1	016	Anh Trí		
17	214222042	Ngô Thị Ngọc Trinh	02/03/2004	Nữ	8.2	3.0	5.6	017	Trinh		
18	214222043	Phạm Thanh Trúc	20/03/2004	Nữ	—	—	—	—	Trúc		Vấn
19	214222044	Cao Thị Tuyền	20/06/2004	Nữ	9.5	3.0	6.3	019	Tuyền		
20	214222046	Dương Thị Thúy Vy	21/10/2004	Nữ	8.6	3.5	6.1	020	Thúy Vy		
21	214222047	Nguyễn Thị Tường Vy	12/05/2004	Nữ	9.0	3.3	6.2	021	Tường Vy		
22	214222048	Đào Như Ý	01/07/2003	Nữ	8.3	4.8	6.6	022	Như Ý		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 22Tổng số sv, hs dự đánh giá: 21Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 21Tổng số tờ: 21Cán bộ coi thi 1: C. Thị Thủy Dương

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 80 %; Điểm KT: 50 %Trà Vinh, Ngày 12 tháng 5 năm 2023Cán bộ ghi điểm: Phạm PhạmCán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (39 -)/CA22MNB

CBGD: Nguyễn Văn Phương (00341)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

21 / 4 / 2023
Phòng thi: 1771.106 (K2)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	214222049	Sơn Thị Ngọc	Yến	04/10/2003	Nữ	9.7	6,3	8,0	001	<u>Yến</u>	
2	214222078	Huỳnh Trúc	Phương	26/08/2004	Nữ	8.9	3,3	6,1	002	<u>Trúc</u>	
3	214222079	Lê Thị Kim	Quỳnh	21/04/2004	Nữ	8.6	3,5	6,1	003	<u>Quỳnh</u>	
4	214222081	Liêu Thị Ngọc	Thắm	07/03/2004	Nữ	9.0	6,3	7,7	004	<u>Thắm</u>	
5	214222082	Thạch Thị Thanh	Thảo	30/01/2004	Nữ	8.2	2,3	5,3	005	<u>Thanh</u>	
6	214222084	Dương Thị Hoàng	Thơ	24/04/2004	Nữ	9.2	3,8	6,5	006	<u>Thơ</u>	
7	214222085	Lâm Thị	Thoa	28/05/2004	Nữ	8.7	3,5	6,1	007	<u>Thoa</u>	
8	214222086	Kim Thị Minh	Thu	11/10/2004	Nữ	8.9	4,5	6,7	008	<u>Thu</u>	
9	214222087	Thạch Thị Ngọc	Trâm	18/12/2004	Nữ	8.9	3,8	6,4	009	<u>Trâm</u>	6,4
10	214222088	Lâm Thanh	Trang	14/11/2000	Nữ	9.0	4,5	6,8	010	<u>Trang</u>	
11	214222089	Lê Thị Cẩm	Tú	23/11/2004	Nữ	8.5	3,8	6,2	011	<u>Tú</u>	
12	214222090	Nguyễn Gia	Tuệ	28/11/2004	Nữ	8.4	4,8	6,6	012	<u>Tuệ</u>	
13	214222091	Huỳnh Thị Thanh	Vân	18/12/2004	Nữ	8.9	3,8	6,4	013	<u>Vân</u>	
14	214222094	Thạch Thị Ngọc Như	Ý	15/04/2004	Nữ	8.4	3,8	6,1	014	<u>Như</u>	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 14

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 14

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 14

Tổng số tờ: 14

Cán bộ coi thi 1: Phạm Hồng Sang

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 17 tháng 5 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Sơn Văn Ba

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

21/4

D71.109

Danh Sách Ghi Điểm**Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (108 -)/DA21KNT

CBGD: Nguyễn Văn Phương (00341)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

21 / 4 / 2023Phòng thi: D71.109

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	114621008	Thạch Thị Ngọc	Dung	Nữ	9.5	5.3	7.4	001			
2	114621010	Trần Trung	Hiếu	Nam	9.8	5.8	7.8	002			
3	114621012	Nguyễn Quang	Huy	Nam	9.5	4.0	6.8	003			
4	114621014	Phạm Thị Như	Huỳnh	Nữ	8.8	4.3	6.6	004			
5	114621022	Đặng Quang	Minh	Nam	9.8	5.8	7.8	005			
6	114621027	Võ Văn Kỳ	Nhân	Nam	9.0	4.3	6.7	006			
7	114621031	Từ Thị Cẩm	Nhung	Nữ	8.5	4.0	6.3	007			
8	114621034	Nguyễn Thị Thảo	Quyên	Nữ	9.5	5.0	7.3	008			
9	114621035	Nguyễn Ngọc	Quyên	Nữ	9.5	3.3	6.4	009			
10	114621046	Lê Kim	Tuyền	Nữ	9.5	3.5	6.5	010			
11	114621048	Trần Thái	Tỷ	Nam	9.5	4.3	6.9	011			
12	114621050	Thạch Yến	Vy	Nữ	9.5	6.0	7.8	012			9.5 sau
13	114621051	Nguyễn Thị Phượng	Vy	Nữ	10.0	5.0	7.5	013			10.0 sau
14	114621052	Nguyễn Khánh	Vy	Nữ	9.3	5.3	7.3	014			9.3
15	114621055	Phạm Thị Như	Ý	Nữ	9.8	5.5	7.7	015			
16	114621058	Châu Quốc	Đan	Nam	9.8	3.8	6.8	016			9.8 sau
17	114621060	Nguyễn Thị Minh	Thư	Nữ	9.0	2.5	5.8	017			9.0 sau
18	114621061	Đỗ Lê	Như	Nữ	8.8	3.8	6.3	018			8.8
19	114621066	Phạm Trương Mỹ	Tâm	Nữ	9.0	5.0	7.0	019			9.0 sau
20	114621070	Sơn Thị Ngọc	Hoàng	Nữ	9.3	6.3	7.8	020			9.3
21	114621072	Huỳnh Mỹ	Nhiên	Nữ	9.5	5.5	7.5	021			9.5
22	114621085	Ngô Thị Kim	Ngân	Nữ	9.8	6.3	8.1	022			
23	114621093	Trương Quốc	Thái	Nam	9.8	4.5	7.2	023			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 23...Tổng số sv, hs dự đánh giá: 23...Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 23...Tổng số tờ: 23...

Cán bộ coi thi 1:

Phạm Hồng Sang

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%Trà Vinh, Ngày 17 tháng 5 năm 2023

Cán bộ ghi điểm:

Phạm Hồng Sang

Cán bộ kiểm tra:

Nguyễn Thị Linh